

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển Đại học Luật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ luật giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội, nay là Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 05 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 06 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Xét biên bản họp Hội đồng tuyển sinh khoá 15 lớp A,B - VB2 (2015 – 2018) Đại học Luật hình thức vừa làm vừa học mở tại Trường Đại học Luật Hà Nội ngày 10 tháng 7 năm 2015;

Theo đề nghị của Trường Khoa Đào tạo tại chức,

QUYẾT ĐỊNH:

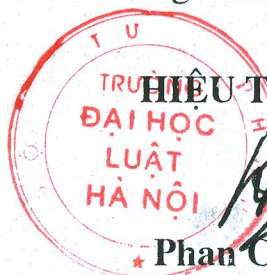
Điều 1. Công nhận 169 (Một trăm sáu mươi chín) thí sinh trúng tuyển vào học khoá 15 lớp A,B - VB2 (2015 – 2018) Đại học Luật hình thức vừa làm vừa học mở tại Trường Đại học Luật Hà Nội (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Công nhận 33 (ba mươi ba) thí sinh có bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ các ngành khác, thuộc diện tuyển thẳng vào học khoá 15 lớp A,B - VB2 (2015 – 2018) Đại học Luật hình thức vừa làm vừa học mở tại Trường Đại học Luật Hà Nội (có danh sách kèm theo).

Điều 3. Trường khoa Đào tạo tại chức, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Ban quản lý khoá học và những thí sinh có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Giáo dục ĐH-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Vụ TCCB-Bộ Tư pháp (để b/c);
- Các Phó hiệu trưởng (để biết);
- Lưu VT, ĐTTC.



HIỆU TRƯỞNG

Phan Chí Hiếu

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC LUẬT HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

MỞ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI K15-VB2 (2015-2018)

Kèm theo QĐ số: *1804* /QĐ-ĐHLHN ngày *27* tháng *7* năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội

Trang 1

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
1	00001	Chu Ngọc Anh	22/01/93	Nữ	Phú Thọ	Cty CP liên doanh TM và VT		4.50	5.00	9.50	
2	00002	Đặng Đình Anh	28/04/80		Hà Nội	Phường Thanh Liệt, Thanh Trì, HN		4.00	5.50	9.50	
3	00003	Nguyễn Thị Mai Anh	04/01/84	Nữ	Hà Nội	P. Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội		6.50	5.00	11.50	
4	00007	Nguyễn Thế Anh	26/10/81		Hà Nội	Báo bảo vệ pháp luật	01	5.00	3.00	8.00	
5	00008	Mai Đức An	01/02/79		Hà Nội	P.Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội		4.00	5.00	9.00	
6	00009	Phạm Tiến An	12/09/68		Hà Nội	Thanh tra Bộ Quốc phòng	01	7.00	5.00	12.00	
7	00011	Nguyễn Thị Ba	09/09/88	Nữ	Hà Nội	UBND P.Phú Lương, Hà Đông HN	02	7.50	5.00	12.50	
8	00012	Nguyễn Đức Bảy	10/07/88		Thanh Hoá	Cty CP PT khoa học công nghệ	02	5.00	4.00	9.00	
9	00013	Nguyễn Thành Biên	07/05/85		Hoà Bình	Xã Chi Nê, Lạc Thủy Hoà Bình		7.00	5.50	12.50	
10	00014	Nguyễn Thị Cẩm Bình	06/01/81	Nữ	Quảng Ninh	Cty TNHH kiểm toán và TV UHYACA	01	5.50	5.00	10.50	
11	00015	Lưu Ngọc Cảnh	29/12/78		Hà Nội	CA xã Vĩng La Đông Anh HN	01	6.50	5.00	11.50	
12	00016	Nguyễn Thị Cảnh	10/02/85	Nữ	Thanh Hoá	Cty Luật TNHH Huy Thành	01	5.50	4.00	9.50	
13	00017	Chu Đắc Chiến	08/08/87		Hà Nội	Chi cục THADS Hoài Đức Hà Nội		6.50	7.00	13.50	
14	00018	Phạm Lê Chiến	28/10/84		Hà Nội	Tổng cục THADS	01	8.00	5.00	13.00	
15	00019	Nguyễn Văn Chí	01/05/78		Bắc Ninh	Tập đoàn bưu chính viễn thông VN	01	4.50	7.00	11.50	
16	00020	Nguyễn Năng Chung	10/11/84		Hải Dương	VP đăng ký đất đai Hà Nội CN NTL		6.00	3.50	9.50	
17	00021	Tường Quốc Công	24/11/93		Hoà Bình	Phường Văn Quán, Hà Đông, HN		4.50	4.50	9.00	
18	00024	Trần Ngọc Cương	07/04/88		Yên Bái	Phường Hà Cầu, Hà Đông HN		7.00	6.00	13.00	
19	00025	Bùi Đức Cường	11/05/84		Bắc Giang	P. Láng Hạ Đống Đa HN		8.00	5.00	13.00	
20	00026	Lê Bá Cường	03/10/88		Thanh Hoá	Cty TNHH TM		6.00	5.00	11.00	
21	00027	Nguyễn Đặng Cường	25/09/71		Hà Nội	UBND phường Tây Mỗ, Nam Từ Liêm HN	01	4.00	4.00	8.00	
22	00028	Nguyễn Đặng Tùng	26/03/82		Sơn La	Cty	01	7.00	4.00	11.00	
23	00029	Phạm Mạnh Cường	26/09/90		Hải Dương	TT Minh Tân, Kinh Môn, Hải Dương		6.50	5.00	11.50	
24	00030	Đỗ Thị Dung	20/10/85	Nữ	Hà Nội	UBND P.Phú Lương, Hà Đông HN	01	6.50	5.00	11.50	
25	00032	Lê Anh Dũng	13/08/85		Vĩnh Phúc	Cty Luật TNHH Việt Lê		5.00	4.50	9.50	
26	00034	Nguyễn Đức Dục	21/04/65		Nam Định	Thanh tra Bộ Quốc phòng	01	6.50	4.00	10.50	
27	00035	Đào Duy Dương	08/05/83		Hà Nội	Phường Ngọc Hà, Ba Đình HN		5.00	3.00	8.00	

Handwritten signature

Handwritten mark

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	UT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
28	00036	Đào Thuỳ	Dương	30/10/92	Nữ	Hải Phòng	Phòng điện tử báo Hải Phòng		7.50	4.00	11.50	
29	00037	Trần Thị Thuỳ	Dương	29/11/91	Nữ	Hà Nội	Cty TNHH tư vấn Hồng Đô		8.00	5.00	13.00	
30	00038	Nguyễn Thị	Đào	22/05/90	Nữ	Vĩnh Phúc	Xã Tam Hồng, Yên Lạc, Vĩnh Phúc		7.50	5.00	12.50	
31	00039	Đỗ Văn	Đại	09/04/81		Hà Nội	Cty CP Đầu tư HCM Việt Nam	01	7.00	5.00	12.00	
32	00040	Đặng Tiến	Đạt	18/09/93		Thái Bình	Kỳ Bá, TP. Thái Bình		6.00	5.50	11.50	
33	00041	Bùi Hải	Đặng	16/10/90		Yên Bái	Xã Đại đồng Yên Bình Yên Bái		8.50	6.00	14.50	
34	00042	Vũ Nhật	Đặng	08/10/87		Hà Nội	UBND phường Kim Mã Ba Đình HN		6.50	4.00	10.50	
35	00043	Nguyễn Văn	Diệp	18/12/83		Hà Nội	Trường ĐH Giao thông vận tải	01	4.50	4.50	9.00	
36	00045	Dư An	Đồng	02/11/89		Thanh Hoá	TT bồi dưỡng chính trị Bắc Từ Liêm HN		5.50	3.00	8.50	
37	00047	Hà Thị	Giang	25/12/83	Nữ	Phú Thọ	TT Bộ Khoa học và công nghệ	01	7.00	6.50	13.50	
38	00048	Nguyễn Trường	Giang	12/02/86		Hà Nội	Phường Phương Canh, Nam Từ Liêm		7.50	5.50	13.00	
39	00049	Vũ Văn	Giang	12/08/85		Hải Phòng	Cty TNHH ĐTTM&DV Tư vấn	02	6.50	5.00	11.50	
40	00050	Đặng Thị Hải	Hà	02/02/89	Nữ	Hưng Yên	Toà án nhân dân tối cao	01	6.50	5.00	11.50	
41	00052	Nguyễn Văn	Hà	01/02/85		Hà Nội	UBND phường Phú Đô, Nam Từ Liêm HN	01	4.00	3.50	7.50	
42	00053	Hồ Văn	Hào	01/01/72		Hà Nội	Trung tâm văn hoá Q. Nam Từ Liêm HN	01	6.50	5.00	11.50	
43	00054	Nguyễn Văn	Hào	10/09/75		Vĩnh Phúc	Xã Yên Phương Yên Lạc, Vĩnh Phúc	02	7.50	5.00	12.50	
44	00055	Trịnh Việt	Hà	09/11/80	Nữ	Hà Nội	Tổng Cty Hàng hải Việt Nam	01	6.50	6.50	13.00	
45	00056	Vũ Thị Thu	Hà	08/08/81	Nữ	Hải Phòng	Phòng Công chứng Thái Hà	01	7.50	5.00	12.50	
46	00057	Đinh Nam	Hải	11/08/85		Nam Định	Phường Định Công, Hoàng Mai HN		8.00	5.00	13.00	
47	00059	Nguyễn Minh	Hải	07/03/90		Nam Định	Cty CP PT kỹ thuật y học Minh Ngọc		2.00	5.00	7.00	
48	00060	Nguyễn Minh	Hải	16/07/79		Hà Nội	Phường Trương Định, Hoàng Mai HN	01	6.00	3.50	9.50	
49	00061	Phan Anh	Hải	16/06/78		Hà Nội	Ban quản lý dự án thoát nước Hà Nội	01	6.00	6.00	12.00	
50	00062	Trần Đức	Hải	01/01/90		Hà Nội	Xã Văn Canh, Hoài Đức Hà Nội	02	5.00	4.50	9.50	
51	00063	Trần Mạnh	Hải	18/01/84		Vĩnh Phúc	Phường Liên Bảo, Vĩnh Yên Vĩnh Phúc		5.50	5.00	10.50	
52	00064	Trịnh Thị	Hảo	30/01/87	Nữ	Thanh Hoá	VP Luật sư Nguyễn Bình và Cộng sự	01	7.50	7.00	14.50	
53	00065	Ngô Thị Thuý	Hằng	12/01/76	Nữ	Hải Phòng	TT TVPL và TVPL chi GD liệt sĩ	01	7.50	5.00	12.50	
54	00066	Nguyễn Thị	Hằng	07/03/79	Nữ	Nam Định	Chi nhánh Tilleke & Gibbins ... tại HN	01	7.50	3.50	11.00	
55	00067	Phạm Thị Thuý	Hằng	25/01/76	Nữ	Hà Nội	P. Định Công Hoàng Mai HN		7.50	4.00	11.50	
56	00068	Trương Thị	Hằng	28/09/76	Nữ	Hà Nội	Cty TNHH nước uống Hoà Bình	01	6.50	5.00	11.50	
57	00071	Nguyễn Trung	Hiếu	09/10/79		Hà Nội	Phường Văn Miếu, Đống Đa HN		7.00	4.00	11.00	
58	00072	Nguyễn Minh	Hiếu	26/06/82		Hà Nội	Láng Thượng Đống Đa HN		7.50	7.00	14.50	
59	00073	Trần Thị	Hiển	13/06/88	Nữ	Bắc Giang	Viện Kiểm sát ND Tối cao	01	7.50	4.00	11.50	
60	00074	Dương Thị Phương	Hiền	03/06/76	Nữ	Thái Nguyên	Cty CP Kim khí Hà Nội	01	5.50	3.00	8.50	



STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	UT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
61	00075	Trần Thị	Hiên	02/07/83	Nữ	Hà Nội	UBND P.Tây Mỗ, Nam Từ Liêm HN	01	5.00	4.00	9.00	
62	00076	Lê Thị	Hoa	28/07/85	Nữ	Phú Thọ	VP Thừa phát lại Đông dương		7.50	6.00	13.50	
63	00077	Trần Thị	Hoa	02/11/88	Nữ	Nam Định	UBND P. Phúc Đồng Long Biên HN	01	6.50	5.00	11.50	
64	00078	Hồ Xuân	Hoàng	10/08/91		Nghệ An	Cty TNHH XNK Bắc Hà		7.00	7.00	14.00	
65	00079	Lò Minh	Hoàng	01/09/89		Sơn La	Phường Tô Hiệu, TP. Sơn La	01	7.50	6.00	13.50	
66	00081	Nguyễn Thị	Hoà	11/06/82	Nữ	Ninh Bình	Văn phòng Bộ Tư pháp	01	5.50	4.00	9.50	
67	00082	Phạm Văn	Hoàng	15/09/91		Hải Dương	Cty CP Bảo vệ dịch vụ A2		7.50	5.00	12.50	
68	00083	Ma Thị	Hồng	01/06/90	Nữ	Tuyên Quang	UBND Phan Thiết, TP. Tuyên Quang	01	8.00	4.00	12.00	
69	00084	Đỗ Thị Ngọc	Hội	24/04/85	Nữ	Hà Nội	UBND xã Tân Lập, Đan Phượng HN	01	6.50	6.00	12.50	
70	00085	Đàm Quang	Huy	01/06/90		Hà Nội	TT PT cụm Công nghiệp, Q. B.T.Liêm		7.50	5.00	12.50	
71	00086	Nguyễn Quang	Huy	08/12/92		Bắc Ninh	Cty TNHH kiểm toán và TV UHYACA		4.00	3.50	7.50	
72	00088	Phùng Thị	Huyền	01/07/89	Nữ	Hải Dương	Phường Đại Kim, Hoàng Mai, HN		7.50	5.00	12.50	
73	00089	Phạm Quang	Huy	19/09/88		Hà Nội			6.00	3.00	9.00	
74	00090	Lã Quốc	Huỳnh	10/04/84		Hà Nam	Xã Bồ câu, Bình Lục, Hà Nam		7.50	6.00	13.50	
75	00092	Nguyễn Mạnh	Hùng	07/06/84		Hà Nội	UBND Q.Ba Đình TP. Hà Nội	01	7.00	6.50	13.50	
76	00093	Trần Mạnh	Hùng	02/04/91		Hà Nội	Phường Khâm Thiên, Đống Đa HN		4.50	4.00	8.50	
77	00094	Trần Văn	Hưng	07/04/87		Hải Dương	Văn phòng công chứng Thanh Xuân		6.00	3.00	9.00	
78	00095	Đỗ Thị Thanh	Hương	20/09/79	Nữ	Bắc Ninh	UBND xã Đình Bảng Từ Sơn Bắc Ninh		8.00	5.00	13.00	
79	00096	Lai Thị Quỳnh	Hương	28/11/79	Nữ	Hà Nội	VP đăng ký đất đai Hà Nội	01	4.50	6.00	10.50	
80	00098	Trần Thị	Hương	22/02/79	Nữ	Hà Nội	Phường Phương Liệt, Thanh Xuân HN		4.50	6.00	10.50	
81	00099	Nguyễn Sỹ	Kết	04/04/87		Hà Nội	Tạp chí ô tô xe máy		6.50	6.00	12.50	
82	00100	Nguyễn Gia	Khánh	09/12/87		Hà Nội	Cty CP tư vấn và DV Hà Nội		6.00	4.00	10.00	
83	00102	Nguyễn Trần	Khải	17/06/90		Nam Định	Phường Dịch Vọng, Cầu Giấy HN		4.50	4.00	8.50	
84	00103	Nguyễn Văn	Khải	20/01/68		Thái Bình	Thanh tra Bộ Quốc phòng	01	4.00	5.00	9.00	
85	00104	Nguyễn Thị Mai	Lan	21/04/77	Nữ	Hà Nội	Chi cục THADS huyện Thanh Trì Hà Nội	01	7.00	6.00	13.00	
86	00105	Trịnh Thị Mai	Lan	02/03/73	Nữ	Hà Nội	Cty Luật TNHH T&G	01	6.00	5.00	11.00	
87	00106	Phạm Bằng	Lăng	11/04/91		Hà Nội	Đảng uỷ phường Kim Giang, TX HN		7.00	5.50	12.50	
88	00107	Đào Thuý	Linh	26/01/85	Nữ	Hà Nội	Phường Định Công, Hoàng Mai HN		6.00	5.00	11.00	
89	00109	Vũ Thị ánh	Linh	25/02/73	Nữ	Hưng Yên	Cty TNHH nhà đất, Hai Bà Trưng HN	01	7.50	5.00	12.50	
90	00110	Nguyễn Thị	Linh	10/06/81	Nữ	Hưng Yên	Phường Trung Liệt, Đống Đa, HN		3.50	5.00	8.50	
91	00113	Nguyễn Kim	Long	04/05/83		Bắc Ninh	Phường Trung Liệt, Đống Đa, HN		7.00	4.00	11.00	
92	00115	Nguyễn Quý	Long	21/05/88		Hà Nội	UBND phường Phúc La, Văn Quán		5.50	5.50	11.00	
93	00119	Phạm Thành	Luân	01/10/91		Hà Nội	TT hỗ trợ dịch vụ đăng ký kinh doanh		6.00	4.00	10.00	





STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
94	00121	Nguyễn Hà Ly	13/11/91	Nữ	Hà Nội	NH TNHH một thành viên standard		7.00	5.00	12.00	
95	00122	Nguyễn Ngọc Mai	12/12/87	Nữ	Hà Nội	Cty CPXD ĐT nước sạch Hà Nội		7.00	4.00	11.00	
96	00123	Phạm Minh Mẫn	19/05/78	Nữ	Thái Bình	NHTMCP Đại chúng Việt Nam	01	7.00	5.00	12.00	
97	00124	Đỗ Thị Mến	01/01/89	Nữ	Bắc Ninh	Phường Nhật Tân, Tây Hồ Hà Nội		5.50	4.00	9.50	
98	00125	Lê Phụng Minh	20/07/89		Hà Giang	Phường Hàng Bài, Hoàn Kiếm HN	01	4.50	7.00	11.50	
99	00126	Nguyễn Thị Minh	11/07/71	Nữ	Quảng Ninh	Cty kho vận Hòn Gai Vinacomin	01	7.50	6.50	14.00	
100	00127	Phan Nhật Minh	08/09/86		Hà Nội	Ban Quản lý dự án an toàn giao thông	01	7.50	6.00	13.50	
101	00128	Vũ Thị Hà My	05/07/86	Nữ	Hải Phòng	NH TMCP Công thương VN CN QT		7.00	5.00	12.00	
102	00130	Phuong Minh Nam	28/06/81		Bắc Ninh	Phường Ngọc Lâm Long Biên HN		7.00	5.00	12.00	
103	00131	Hoàng Thanh Nga	13/01/86	Nữ	Hà Nội	Phường Định Công, Hoàng Mai HN		6.50	5.00	11.50	
104	00132	Phạm Thị Thuý Nga	17/05/82	Nữ	Hà Nội	Phường Quỳnh Mai Hai Bà Trưng HN		5.00	5.50	10.50	
105	00133	Tô Thị Tuyết Nga	23/03/80	Nữ	Thái Bình	Cty CP TV và phát triển GD HN vàng	01	7.00	6.00	13.00	
106	00134	Trần Thị Thanh Nga	24/01/83	Nữ	Hà Nội	Phường Nghĩa Tân, Cầu Giấy HN		8.00	4.50	12.50	
107	00135	Hoàng Bích Ngọc	15/04/92	Nữ	Hà Nội	Phường Phú Thượng Tây Hồ HN		7.50	6.00	13.50	
108	00136	Nguyễn Minh Ngọc	28/09/77		Hà Nội	Tr. Trung cấp KT-KT Hà Nội	01	7.50	5.00	12.50	
109	00138	Lê Thị Nguyệt	06/11/87	Nữ	Hà Nội	UBND xã Tam Hiệp, Thanh Trì, HN		7.50	5.00	12.50	
110	00139	Nguyễn Thị Bích Nhiên	09/09/81	Nữ	Hà Nội	UBND xã Tam Hiệp, Thanh Trì, HN	01	8.00	7.00	15.00	
111	00140	Nguyễn Thị Thảo Nhung	11/12/89	Nữ	Hà Nội	UBND P. Thanh Liệt, Thanh Trì HN		8.00	5.00	13.00	
112	00144	Đặng Việt Phương	27/02/72		Hà Nội	Cty TNHH ĐT và phát triển VPI	01	7.00	4.00	11.00	
113	00145	Nguyễn Thu Phương	27/07/83	Nữ	Hà Nội	Thành uỷ Hà Nội	01	7.50	5.00	12.50	
114	00146	Trần Thanh Phương	01/09/91	Nữ	Hà Nội	UBND Q. Hoàng Mai, HN		7.50	4.50	12.00	
115	00147	Lã Đức Quang	23/04/92		Hà Nội	P. Bồ Đề, Long Biên HN		6.50	5.00	11.50	
116	00148	Lê Hồng Quân	18/05/90		Hà Nội	P. Kim Giang Thanh Xuân HN		4.00	6.00	10.00	
117	00149	Phạm Minh Quân	01/06/75		Hưng Yên	Cty CP nhựa Hưng Yên	01	4.00	4.00	8.00	
118	00150	Nguyễn Thị Thuý Quyên	20/02/79	Nữ	Hà Nội	TAND quận Ba Đình, TP Hà Nội	01	7.50	5.00	12.50	
119	00151	Vũ Trọng Quỳnh	21/07/77		Hải Phòng	Văn phòng Luật sư Kinh Đô	01	6.00	5.00	11.00	
120	00152	Phí Thị Hải Sâm	25/01/83	Nữ	Hà Nội	Cty TNHH Giáo dục quốc tế Bảo Chung	01	6.00	5.00	11.00	
121	00154	Trần Trường Sơn	05/12/81		Hà Nội	Đảng uỷ phường Đồng Xuân, HK, HN	01	5.00	5.00	10.00	
122	00156	Nguyễn Thị Tâm	17/02/86	Nữ	Phú Thọ	Thanh Xuân Trung TX HN		7.50	5.00	12.50	
123	00157	Nguyễn Minh Tâm	27/09/91	Nữ	Hà Nội	Phường Đức Giang, Long Biên HN		7.50	5.00	12.50	
124	00158	Trần Thị Minh Tâm	15/11/84	Nữ	Hà Nội	P. Láng Hạ Đống Đa HN		2.00	6.00	8.00	
125	00160	Hoàng Văn Thành	20/07/70		Hà Nội	Thanh tra Bộ Quốc phòng	01	6.50	4.50	11.00	
126	00161	Nguyễn Văn Thành	27/06/77		Hải Phòng	Cty TNHH Kiểm toán TX vốn định giá	01	7.00	6.00	13.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
127	00162	Trần Trí	Thành	04/03/72		Hà Giang	Phường Tây Tựu, Bắc Từ Liêm HN		7.00	5.00	12.00	
128	00163	Ngô Quang	Thảo	07/07/77		Hà Nội	UBND phường Phú Đô, Nam Từ Liêm HN	01	5.50	5.00	10.50	
129	00164	Nguyễn Thị	Thắm	06/04/92	Nữ	Hà Nội	Văn phòng Công chứng Vĩnh Xuân	02	7.00	5.00	12.00	
130	00165	Bùi Mạnh	Thắng	19/12/68		Thái Bình	Thanh tra Bộ Quốc phòng	01	5.50	5.00	10.50	
131	00167	Vũ Đức	Thắng	01/10/86		Hà Giang	Cty CP ACT Quốc tế	02	7.50	4.50	12.00	
132	00170	Trần Thị	Thu	19/10/81	Nữ	Hà Nam	UBND Phường Láng Thượng	01	6.00	5.50	11.50	
133	00171	Dương Văn	Thuyết	20/04/85		Hưng Yên	Xã Như Quỳnh, Văn Lâm, HY		7.00	6.50	13.50	
134	00172	Đỗ Hữu	Thủy	02/10/88		Hà Nội	Lại Phụng, Thạc thất HN		4.00	5.00	9.00	
135	00174	Phạm Xuân	Tiến	03/02/90		Hà Nội	P. Phương Canh, Q. Nam Từ Liêm HN		5.50	5.50	11.00	
136	00176	Nguyễn Văn	Toàn	01/06/84		Hà Nội	Xã Yên Lạc, Hoài Đức Hà Nội		8.00	7.00	15.00	
137	00177	Bùi Thị Thuý	Trang	18/02/89	Nữ	Hải Dương	VP Đảng uỷ Phường Khâm Thiên		7.50	6.00	13.50	
138	00178	Lê Minh	Trang	24/09/90	Nữ	Hà Giang	Phường Cống Vị, Ba Đình HN	01	7.00	5.00	12.00	
139	00179	Nguyễn Thị Thu	Trang	30/09/91	Nữ	Hà Nội	Phường Phố Huế Hai Bà Trưng HN		7.50	6.00	13.50	
140	00180	Nguyễn Thu	Trang	05/06/84	Nữ	Phú Thọ	Chi nhánh Tilleke & Gibbins ... tại HN	01	7.00	7.00	14.00	
141	00181	Nguyễn Nhung	Trạng	14/11/91	Nữ	Hà Nội	UBND Phường Láng Hạ Đống Đa HN	02	7.50	5.00	12.50	
142	00182	Nguyễn Thu	Trang	13/12/81	Nữ	Hà Nội	UBND P. Cầu Diễn, Từ Liêm HN		5.00	6.00	11.00	
143	00183	Nguyễn Thị	Trang	25/06/87	Nữ	Hà Nội	P. Hiền Ninh, Sóc Sơn HN		7.50	4.00	11.50	
144	00184	Trương Thị Quỳnh	Trang	25/12/86	Nữ	Hải Dương	Cty CP ĐT&CNHC toàn cầu	01	7.50	4.00	11.50	
145	00185	Đỗ Kiên	Trung	22/06/86		Hà Nội	Xã Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	02	7.00	5.50	12.50	
146	00186	Lê Đỗ Hoàng	Trung	17/10/87		Hà Nội	Phường Kim Liên, Đống Đa Hà Nội		7.00	4.00	11.00	
147	00187	Nguyễn Tuấn	Trung	14/12/92		Hà Tĩnh	Phường Bắc Hà TP. Hà Tĩnh		8.00	6.00	14.00	
148	00188	Phạm Kim	Trung	18/04/82		Hà Nội	NHTM CP Công thương VN	01	7.50	6.00	13.50	
149	00189	Phạm Trí	Trung	18/12/91		Nam Định	Thái Thịnh Đống Đa HN		8.00	6.00	14.00	
150	00190	Trần Quốc	Trung	08/08/89		Hưng Yên	Bộ tư lệnh cảnh sát biển	01	7.50	4.00	11.50	
151	00191	Lương Xuân	Trường	16/05/87		Thái Nguyên	Bảo Công an nhân dân	01	5.50	3.50	9.00	
152	00192	Phạm Xuân	Trường	18/10/86		Hưng Yên	UBND Quận Tây Hồ	02	7.50	5.00	12.50	
153	00193	Cao Minh	Tuấn	22/02/81		Hà Nội	Đội thanh tra xây dựng Hoàn Kiếm	01	5.50	4.50	10.00	
154	00194	Hoàng Ngọc	Tuấn	07/09/68		Nam Định	Thanh tra Bộ Quốc phòng	01	7.00	7.00	14.00	
155	00195	Lê Minh	Tuấn	28/09/82		Hà Nội	Tổng Cty hàng không VN	01	6.50	5.00	11.50	
156	00196	Lê Minh	Tuấn	31/05/85		Cao Bằng	Viện Kiểm sát ND Tối cao	01	6.50	5.00	11.50	
157	00197	Lê Thanh	Tuyền	15/06/91		Bắc Ninh	Xã Trường Giang Từ Sơn Bắc Ninh		7.50	5.00	12.50	
158	00198	Phạm Ngọc	Tuyền	03/01/87		Hà Nội	Phường Hồng Hà, Đan Phượng HN		8.00	4.00	12.00	
159	00199	Chu Nguyễn Sơn	Tùng	12/10/87		Hà Nam	Phường Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm HN		5.50	5.00	10.50	

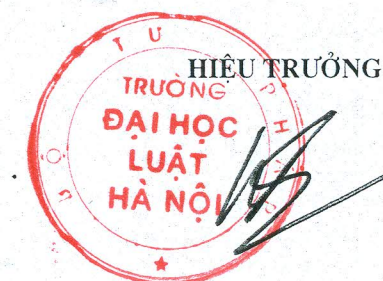



STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
160	00200	Đinh Hoàng	Tùng	27/05/79		Hà Nội	UBND Q.Nam Từ Liêm	01	4.00	5.00	9.00	
161	00201	Nguyễn Đức	Tùng	03/05/90		Hà Nội	Phường Định Công, Hoàng Mai HN		7.50	5.00	12.50	
162	00202	Nguyễn Khắc	Tùng	04/07/89		Lạng Sơn	Phường Điện Biên, Ba Đình HN		5.50	6.00	11.50	
163	00204	Phạm Sơn	Tùng	05/04/89		Thái Nguyên	TT thể dục thể thao quận Tây Hồ		6.50	5.00	11.50	
164	00205	Lê Thị	Uyên	27/04/87	Nữ	Hà Nội	Xã Đông Mỹ, Chương Mỹ HN		7.00	5.50	12.50	
165	00208	Đỗ Quang	Vinh	29/01/93		Hà Nội	Xã Hải Bội, Đông Anh Hà Nội		6.00	5.00	11.00	
166	00209	Nguyễn Quang	Vinh	15/01/90		Hà Nội	P. Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai HN		8.00	7.00	15.00	
167	00210	Trần	Vũ	15/08/88		Hà Nội	Phường Phúc La, Văn quán, Hà Đông HN		5.50	5.00	10.50	
168	00211	Vũ Thị	Yến	15/02/82	Nữ	Nam Định	Cty Tille + Gibbins	01	8.00	6.00	14.00	
169	00300	Đỗ Hoàng	Giang	14/04/91		Hà Nội	TSTD		6.50	5.50	12.00	
170	00500	Trần Anh	Chung	02/12/77		Quảng Ninh	Ngân hàng TMCP Công thương VN	01	.	.	.	Miễn thi
171	00501	Phạm Trọng	Đức	29/07/75		Thái Bình	Phường Kim Giang, Thanh Xuân HN		.	.	.	Miễn thi
172	00502	Trịnh Đức	Duy	18/08/79		Nam Định	Phường Phúc La, Văn quán, Hà Đông HN	01	.	.	.	Miễn thi
173	00503	Bùi Thị Thu	Hà	17/10/70	Nữ	Thái Bình	NH TMCP Công thương VN CN QT		.	.	.	Miễn thi
174	00504	Kiều Thị Thu	Hằng	19/01/83	Nữ	Hà Nội	Phường Thanh Xuân, Thanh Xuân HN		.	.	.	Miễn thi
175	00505	Ngô Thuý	Hào	22/07/79	Nữ	Hà Nội	NH TNHH một thành viên standard	01	.	.	.	Miễn thi
176	00506	Trần Thị Thanh	Huế	15/04/75	Nữ	Hà Nội	UBND huyện Sóc Sơn Hà Nội	01	.	.	.	Miễn thi
177	00507	Nguyễn An	Huy	28/07/88		Thanh Hoá	Cty CP Công nghệ nền móng HN		.	.	.	Miễn thi
178	00508	Nguyễn Thị Thuý	Lan	13/12/81	Nữ	Hà Nội	TT phát triển quỹ đất quận Nam Từ Liêm	01	.	.	.	Miễn thi
179	00509	Trần Thị Thuý	Linh	14/07/83	Nữ	Nam Định	Cty TNHH kiểm toán quốc gia		.	.	.	Miễn thi
180	00510	Nguyễn Thanh	Nga	24/07/81	Nữ	Hà Nội	Cục CNTT		.	.	.	Miễn thi
181	00511	Đào Thị	Oanh	30/10/76	Nữ	Quảng Ninh	Trường Trung cấp KT Hà Nội	01	.	.	.	Miễn thi
182	00512	Đặng Anh	Quân	19/11/88		Hà Nội	Phường Láng Hạ, Đống Đa HN		.	.	.	Miễn thi
183	00513	Phạm Cường	Quốc	18/08/81		Quảng Ninh	Phường Kiến Hưng, Hà Đông HN		.	.	.	Miễn thi
184	00514	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/06/83	Nữ	Hoà Bình	UBND P.Nghĩa Đô Cầu Giấy HN	01	.	.	.	Miễn thi
185	00515	Nguyễn Xuân	Thiêm	16/02/91		Hà Nội	Cty TNHH ánh Sao		.	.	.	Miễn thi
186	00516	Nguyễn Thu	Trang	05/07/79	Nữ	Hà Nội	Viện Nghiên cứu Pháp luật ASEAN		.	.	.	Miễn thi
187	00517	Phan Bảo	Trung	29/11/80		Hà Nội	Tổng cục địa chất và KS Việt Nam	01	.	.	.	Miễn thi
188	00518	Đặng Quốc	Tuấn	12/10/81		Hà Nội	Trường Trung cấp KT Hà Nội	02	.	.	.	Miễn thi
189	00519	Lê Quốc	Tuấn	25/10/78		Hà Nội	Cty International SOS Việt Nam	01	.	.	.	Miễn thi
190	00520	Ngô Thị Thu	Vân	28/07/90	Nữ	Hà Nội	Viện Kiểm sát ND Tối cao		.	.	.	Miễn thi
191	00521	Phạm Ngọc	Vũ	28/01/82		Hà Nội	Chi cục VTLT TP. Hà Nội	01	.	.	.	Miễn thi
192	00522	Nguyễn Văn	Vui	24/03/83		Thái Bình	NH TMCP phát triển TP.HCM CN Đ.ĐA	01	.	.	.	Miễn thi




STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	UT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
193	00523	Nguyễn Hải	Yến	09/10/77	Nữ	Thái Nguyên	Phường Trương Định, HBT HN		.	.	.	Miễn thi
194	00524	Nguyễn Phương	Linh	06/02/85	Nữ	Hà Nội	Chi nhánh Tilleke & Gibbins ... tại HN		.	.	.	Miễn thi
195	00525	Đinh Linh	Chi	14/09/77	Nữ	Hà Nội	Ngân hàng TNHH TMV Standanl .. VN	01	.	.	.	Miễn thi
196	00526	Hà Hải	Quang	25/07/75		Hà Nội	NH TNHH MTV Standanrd.. VN	01	.	.	.	Miễn thi
197	00527	Nguyễn Ngọc	Anh	18/11/85	Nữ	Hà Nội	VP đăng ký đất đai HN- CN Từ Liêm		.	.	.	Miễn thi
198	00528	Lê Đức	Lam	14/09/77		Hà Nội	Cty CP thép Châu á TBD	01	.	.	.	Miễn thi
199	00529	Phạm Chí	Trung	14/10/83		Hà Nội	Cty CP Hoàng Tín HAPRO	02	.	.	.	Miễn thi
200	00530	Đỗ Việt	Hải	15/11/70	Nữ	Quảng Ninh	Cty CPTV thiết kế và chuyển giao CN	01	.	.	.	Miễn thi
201	00531	Phan Anh	Ninh	12/11/85		Bắc Ninh	NH TMCP Công thương VN	02	.	.	.	Miễn thi
202	00532	Nguyễn Mạnh	Hiển	18/11/87		Hà Nội	Khu đô thị Văn quán Hà Đông HN		.	.	.	Miễn thi

CỘNG TRƯỜNG V15C1 : 202 THÍ SINH

**TS. Phan Chí Hiếu**